

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Add: Cụm CN Trường An, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II
NĂM 2016**

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 2/2016	Đơn vị : VND	
				Quý 2/2015	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		172,017,654,461	123,757,977,528	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,748,529,548	3,057,651,756	
1. Tiền	111		3,748,529,548	3,057,651,756	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	7,390,000,000	13,500,000,000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	13,500,000,000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7,390,000,000	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,869,514,152	32,673,386,706	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41,693,910,396	26,482,057,255	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4,019,984,312	2,003,317,133	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	5,000,000,000	-	
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	2,155,619,444	4,188,012,318	
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	104,450,819,337	72,191,773,016	
1. Hàng tồn kho	141		104,495,575,337	72,236,529,016	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(44,756,000)	(44,756,000)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,558,791,424	2,335,166,050	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	140,735,182	359,561,967	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,708,070,968	1,965,161,409	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.15	9,985,274	10,442,674	
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		700,000,000	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85,719,700,569	81,899,616,158	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015
II. Tài sản cố định	220		57,074,457,277	54,041,901,334
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	56,696,824,945	53,655,169,426
- Nguyên giá	222		85,792,544,217	80,263,387,670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29,095,719,272)	(26,608,218,244)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	377,632,332	386,731,908
- Nguyên giá	228		475,200,000	475,200,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97,567,668)	(88,468,092)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5,169,308,000	4,847,153,000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,169,308,000	4,847,153,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	18,420,000,000	18,061,934,272
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	(358,065,728)
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18,420,000,000	18,420,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,055,935,292	4,948,627,552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	680,935,292	930,063,090
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		4,375,000,000	4,018,564,462
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		257,737,355,030	205,657,593,686

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B01-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị : VND	
			Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		131,875,913,152	85,126,391,967
I. Nợ ngắn hạn	310		113,648,060,427	67,143,035,316
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	18,745,479,399	12,545,019,580
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7,257,592,256	3,167,846,162
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5,050,251,839	3,537,095,261
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	130,000,000	110,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	413,199,671	333,018,853
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	82,051,537,262	47,450,055,460
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18,227,852,725	17,983,356,651
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	18,227,852,725	17,983,356,651
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN/HN

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125,861,441,878	120,531,201,719
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	125,861,441,878	120,531,201,719
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96,000,000,000	95,234,579,371
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96,000,000,000	95,234,579,371
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		19,394,277,261	14,981,914,378
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16,753,200,905	14,981,914,378
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,641,076,356	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10,467,164,617	10,314,707,970
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		257,737,355,030	205,657,593,686

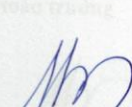
Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Hợi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hợi

Đổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B02-DN/HN

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2016	Quý 2/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	27,355,389,749	45,468,473,805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27,355,389,749	45,468,473,805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	21,942,074,220	38,025,627,501
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,413,315,529	7,442,846,304
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	348,355,951	12,070,911,909
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2,057,040,280	2,132,297,665
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		529,316,469	-
8. Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	348,318,283	806,875,670
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1,393,784,314	3,047,401,736
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,962,528,603	13,527,183,142
12. Thu nhập khác	31	VI.6	-	-
13. Chi phí khác	32	VI.7	185,309,233	11,731,214
14. Lợi nhuận khác	40		(185,309,233)	(11,731,214)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,777,219,370	13,515,451,928
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	391,751,325	2,975,980,291
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1,385,468,045	10,539,471,637
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		1,322,332,059	
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		63,135,986	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		144	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập

Nguyễn Thị Hợi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hợi

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2016



Nguyễn Việt Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,958,208,678	
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,769,899,766	
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,045,671,139)	
- Chi phí lãi vay	06		1,894,503,181	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		576,940,486	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14,659,093,543)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7,053,251,225	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2,061,740,283	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,584,420,368)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		1,365,186,712	
- Tiền lãi vay đã trả	14		718,578,276	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		19,663,849,756	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,059,771,126)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9,242,389,148)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,347,381,553)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19,390,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16,500,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112,812,169	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,777,187,831)	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37,225,007,685	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36,033,753,104)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1,191,254,581	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3,933,314,803)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,681,844,351	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3,748,529,548	

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hợi

Nguyễn Thị Hợi



Nguyễn Việt Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH MINH BẠ

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 06 ngày 24/12/2014 là 96.000.000.000 VND (Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng) tương đương 9.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gia công hàng may mặc.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng; chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo

chính: Không.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 06-10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí mua bảo hiểm.

III. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

III. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

III. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

III. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

III. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

III. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:
Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu..
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

3. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, gia công và kinh doanh hàng may mặc

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội do đó công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THIỆT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được bắt đầu từ ngày 30 tháng 06 năm 2016

Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị : VND

TÀI SẢN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối quý 2/2016</u>	<u>Quý 2/2015</u>
Tài sản	1,309,403,707	2,810,646,206
Tài sản ngắn hạn	2,432,558,488	240,438,197
Tài sản ngắn hạn VND	2,405,183,559	203,461,858
Phản ứng TMCP Công thương CN Nguyễn Trãi	1217161	1,217,161
Phản ứng TMCP ĐT và PT Việt Nam CN Đông Đô	7612545	7,612,545
Phản ứng TMCP ĐT và PT Việt Nam CN Hà Tây	671602252	1,174,368
Phản ứng TNHH Indovina	59001	173,674,175
Phản ứng NN & PTNT CN Hà Tây	2913116	2,913,116
Phản ứng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	15567	4,652,272
Phản ứng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1612552	2,535,352
Phản ứng TMCP Quốc dân CN Hà Nội	1036775	1,036,775
Phản ứng TNHH Indovina	0	-
Phản ứng Quân đội	464162	
Phản ứng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	531,251,344	37,665
Phản ứng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Tràng An	1,438,396	1,373,305
Phản ứng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - TK tiền vay	2,217,309	
Phản ứng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1,000,542	
Phản ứng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	1,597,460	2,036,151
Phản ứng TNHH Indovina	574,366,061	1,695,410
Phản ứng TMCP Quân Đội	890,000	
Phản ứng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	2,560,495	2,547,563
Phản ứng TMCP Kỹ thương Việt Nam	601,018,075	956,000
Phản ứng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng VPBank	2,310,746	
Tài sản ngắn hạn ngoại tệ	27374929	36976339
Phản ứng Quân đội	6675778	6,675,778
Phản ứng TMCP ĐT và PT Việt Nam CN Hà Tây	10572379	20,973,300
Phản ứng TNHH Indovina	376541	282,346
Phản ứng NN & PTNT CN Hà Tây	28371	28,371
Phản ứng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	8,672,073	7,966,757
Phản ứng TNHH Indovina	206,000	206,000
Phản ứng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	843,787	843,787
Tài sản chuyển	6,567,353	6,567,353
Tương đương tiền		

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

được minh kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

Công

3,748,529,548	3,057,651,756
<u>3,748,529,548</u>	<u>3,057,651,756</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

Mẫu số B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Giá gốc	Số cuối quý 2/2016 Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Quý 2/2015 Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngân hạn						
b2) Dài hạn						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18,420,000,000	(*)	-	18,420,000,000	(*)	-
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	-	-	-	-	(*)	-
Công ty CP Đại may Superlex - tỷ lệ sở hữu 19%	3,420,000,000	(*)	-	3,420,000,000	(*)	-
Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường	-	-	-	-	(*)	-
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 10%	15,000,000,000	(*)	-	15,000,000,000	(*)	-
Cộng	18,420,000,000	(*)	-	18,420,000,000	(*)	-

(*) Xem thuyết minh 4.5- Giá trị hợp lý trang 43.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được tính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối quý 2/2016</u>	<u>Quý 2/2015</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	41,693,910,396	26,482,057,255
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	15,873,738,480	12,974,527,887
- Công ty TNHH TM XD Hoàng Yến		4,065,827,866
- Công ty Cổ phần May Phú Thành		
- Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu NHP		2,123,116,816
- Công ty TNHH sản xuất và phát triển Tân Phú Mỹ		1,985,462,800
- Công ty cổ phần dệt may supertex		
- Công ty cổ phần GB		1,921,526,940
- Công ty Cổ phần Đầu Tư K&G Việt Nam	6,236,914,700	-
- Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	9,636,823,780	-
- Công ty TNHH Nam Việt		1,837,443,465
- Công ty TNHH May mặc và thương mại Phú Vinh Hưng		1,041,150,000
Phải thu khách hàng khác	25,820,171,916	13,507,529,368
Cộng	41,693,910,396	26,482,057,255
Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu)	-	-
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	-	-

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4,019,984,312	2,003,317,133
Trả trước cho người bán (chi tiết chiếm từ 10% trở lên tổng khoản trả trước)	2,700,121,588	1,693,348,058
- Công ty TNHH Nam Việt		500,005,858
- Công ty CP XNK Bốn Mùa	491,599,500	
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp và Thương Mại Đông Đô	500,000,000	500,000,000
- Công ty TNHH May Mặc và TM Phú Vinh Hưng	881,100,000	
- Công ty CP TM & DV Tổng Hợp Hà Vinh	121,913,700	
- Công ty CP phát triển đô thị Nam Hà Nội		205,342,200
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tân Phú Mỹ		488,000,000
- Công ty Jinwang Chemical Fiber Co.LTD	216,094,838	
- Công ty Golden Gulf Import & Export Co.ltd	489,413,550	
Khách hàng khác	1,319,862,724	309,969,075
Cộng	4,019,984,312	2,003,317,133

PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối quý 2/2016</u>		<u>Quý 2/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cho vay	12,390,000,000	-	13,500,000,000	-
- Bà Nguyễn Thị Hòa	-	-	2,950,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THẮNG

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BALANCE SHEET MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Ông Tạ Duy Lư	-	750,000,000	-
Ông Tạ Tương Nguyên	-	1,800,000,000	-
Ông Tạ Đức Anh (i)	2,000,000,000	-	-
Bà Nguyễn Thị Quyên (ii)	3,000,000,000	-	-
Ông Nguyễn Văn Sang	-	-	-
Ông Tạ Duy Văn Anh	-	2,000,000,000	-
Ông Chu Danh Lâm	-	2,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Hòa	4,080,000,000	2,000,000,000	-
Bà Ngô Thị Xuyên	3,310,000,000	-	-
Ông Đỗ Văn Bình	-	2,000,000,000	-
Tổng	12,390,000,000	-	13,500,000,000

Ông Tạ Đức Anh vay số tiền 2.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 06 ngày 08/04/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

Bà Nguyễn Thị Quyên vay số tiền 2.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 03 ngày 08/04/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

Bà Nguyễn Thị Xuyên vay số tiền 1.000.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay tiền HĐCV-PT/2015: số 04 ngày 08/04/2015, thời hạn vay 12 tháng, cho vay bằng tiền mặt, lãi suất 11%/năm.

PHẢI THU KHÁC

	Số cuối quý 2/2016		Quý 2/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn	2,155,619,444	-	4,188,562,318	-
Chiếm phải thu khác	2,155,619,444	-	4,188,562,318	-
Phải thu về lãi cho vay	100,527,777	-	160,783,333	-
Phải thu tiền hoàn thuế	-	-	-	-
Phải thu khác	2,055,091,667	-	4,027,778,985	-
Tổng	2,155,619,444	-	4,188,562,318	-

PHẢI THU KHO

	Số cuối quý 2/2016		Quý 2/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu đang đi đường	-	-	-	-
Phải thu tài liệu	10,777,426,982	-	58,373,386,542	-
Phải thu dụng cụ	59,418,240	-	306,385,505	-
Phải thu SXKD dở dang	71,090,832	-	113,501,883	-
Phải thu nằm nhập kho	2,853,365,395	(44,756,000)	8,667,238,389	(44,756,000)
Phải thu khác	11,608,309,789	-	4,958,800,212	-
Tổng	25,369,611,238	(44,756,000)	72,419,312,531	(44,756,000)

PHẢI THU DỒI DANG DÀI HẠN

72,419,312,531

	Số cuối quý 2/2016		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Phải thu cơ bản dở dang	-	-	-	-
Phải thu từ TSCĐ	-	-	-	-
Phải thu nhà xưởng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Tổng cộng		-	-	-	-
CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC					
		Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015		
a) Ngắn hạn		113,079,892	154,151,557		
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		113,079,892	719,561,967		
- Các khoản khác					
b) Dài hạn		680,935,292	915,864,012		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		680,935,292	915,864,012		
Cộng		794,015,184	1,070,015,569		
TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị : VND Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13,436,002,997	63,867,411,491	1,216,178,182	1,743,795,000	80,263,387,670
Tăng trong năm	-	12,006,444,401	-	-	12,006,444,401
- Mua trong năm	-	10,463,256,556	-	-	10,463,256,556
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1,543,187,845	-	-	1,543,187,845
- Tăng khác	-	6,477,287,854	-	-	6,477,287,854
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	6,477,287,854	-	-	6,477,287,854
Số dư cuối năm	13,436,002,997	69,396,568,038	1,216,178,182	1,743,795,000	85,792,544,217
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3,478,520,387	22,180,591,603	310,048,741	639,057,513	26,608,218,244
Tăng trong năm	320,811,882	3,645,352,955	50,674,092	96,939,252	4,113,778,181
- Số khấu hao trong năm	320,811,882	2,166,518,172	50,674,092	96,939,252	2,634,943,398
- Tăng khác	-	1,478,834,783	-	-	1,478,834,783
Giảm trong năm	-	1,626,277,153	-	-	1,626,277,153
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,626,277,153	-	-	1,626,277,153
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3,799,332,269	24,199,667,405	360,722,833	735,996,765	29,095,719,272
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	9,957,482,610	41,686,819,888	906,129,441	1,104,737,487	53,655,169,426
2. Tại ngày cuối năm	9,636,670,728	45,196,900,633	855,455,349	1,007,798,235	56,696,824,945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 ký tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B09-DN/HN

II . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	475,200,000				475,200,000
Tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCE hoàn thành					
- Tặng khác					
Giảm trong năm					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	475,200,000				475,200,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	83,918,304				83,918,304
Tăng trong năm					
- Số khấu hao trong năm	9,099,576				9,099,576
- Tặng khác					
Giảm trong năm					
- Chuyển sang BĐSĐT					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	93,017,880				93,017,880
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	391,281,696				391,281,696
2. Tại ngày cuối năm	382,182,120				382,182,120

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÙ THANH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN/HN

Đơn vị : VND

	Số cuối quý 2/2016		Trong năm		Quý 2/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	63,559,024,084	63,559,024,084	33,130,676,490	33,392,637,721	18,696,571,019	18,696,571,019
Vay ngắn hạn VND	63,559,024,084	63,559,024,084	33,130,676,490	33,392,637,721	18,696,571,019	18,696,571,019
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình (1)	24,991,792,545	24,991,792,545	8,783,196,328	8,612,786,234	13,697,381,809	24,821,382,451
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh (2)	4,999,189,210	4,999,189,210	-	-	4,999,189,210	4,999,189,210
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VPBank (***)	1,666,680,000	1,666,680,000	2,000,000,000	333,320,000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây (3)	31,901,362,329	31,901,362,329	22,347,480,162	20,452,993,128	30,006,875,295	30,006,875,295
Ngân hàng TNHH MTV Shunhan Việt Nam (4)	-	-	-	3,993,538,359	3,993,538,359	3,993,538,359
Ông Chu Danh Lâm	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Quang	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	-
Ông Đỗ Văn Bình	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	-
b) Vay dài hạn	15,713,087,266	15,713,087,266	-	2,151,351,647	5,250,011,000	5,250,011,000
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Đông Đa (5)	13,188,603,766	13,188,603,766	-	1,760,373,647	14,948,977,413	14,948,977,413
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây (6)	2,524,483,500	2,524,483,500	75,421,500	390,978,000	5,250,011,000	2,840,040,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cộng	79,272,111,350	79,272,111,350	33,130,676,490	35,543,989,368	23,946,582,019	23,946,582,019
------	----------------	----------------	----------------	----------------	----------------	----------------

Vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 077/IVBMD-HĐHM/2015 ngày 12 tháng 8 năm 2015 vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Mỹ Đình; hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng; thời hạn vay đến hết ngày 12 tháng 08 năm 2016; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (1) Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH - chi nhánh Mỹ Đình số 030/IVBMD-HĐHM/2015 ngày 01 tháng 04 năm 2015, hạn mức tín dụng 750 USD, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 4,75%/năm.
- (1) Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH - chi nhánh Mỹ Đình số 018/IVBMD-HĐHM/2015 ngày 09 tháng 03 năm 2015, hạn mức tín dụng 554.342 USD, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 4,75%/năm.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6700554/HĐTD ngày 23 tháng 11 năm 2015 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh; hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất quy định trong từng khế ước; mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- (3) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây theo số hợp đồng 01/2015/178257/HĐTD ngày 01/07/2015, hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.
- (4) Hợp đồng vay Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam- Chi nhánh Trần Duy Hưng số SHBVN/TDH/2013/071 ngày 01 tháng 07 năm 2013, thời hạn vay không quá 12 tháng đối với từng khế ước nhận nợ, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

Vay dài hạn

- (5) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng số 005/IVBMD-HĐTD/2013 ngày 02 tháng 01 tháng 2013, hạn mức tín dụng là 307.370 USD, thời hạn vay 5 năm, mục đích vay là để nhập khẩu máy móc, thiết bị.
- (6) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 27 tháng 12 năm 2013, hạn mức tín dụng là 210.000 USD, thời hạn vay 60 tháng, mục đích sử dụng để mua 30 máy dệt

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối quý 2/2016		Quý 2/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18,745,479,399	18,745,479,399	12,545,019,580	12,545,019,580
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	-	-	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	18,745,479,399	18,745,479,399	12,545,019,580	12,545,019,580
Cộng	18,745,479,399	18,745,479,399	12,545,019,580	12,545,019,580
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7,257,592,256	3,167,846,162
Người mua trả tiền trước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên tổng khoản trả trước)	-	-
Các khách hàng khác	7,257,592,256	3,167,846,162
Cộng	7,257,592,256	3,167,846,162

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp (chi tiết cho từng loại thuế)	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối năm
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	3,313,664,918	741,636,343	-	4,774,941,869
- Các loại thuế khác	223,430,343	-	-	275,309,970
Cộng	3,537,095,261	741,636,343	-	5,050,251,839

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

- Thuế GTGT	4,744,654,036	-	-
- Thuế TNCN	-	-	-
Cộng	-	4,744,654,036	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí kiểm toán	130,000,000	110,000,000
Cộng	130,000,000	110,000,000

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

PHẦN MẠY PHỦ THÀNH

Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Thực hiện vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015
413,199,671	333,018,853
337,798,047	261,923,768
52,810,601	50,938,124
22,591,023	20,156,961
413,199,671	333,018,853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị : VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	96,000,000,000	-	0	2,749,719,927	30,109,031,366	128,858,751,293
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					12,488,120,658	12,488,120,658
Tăng khác					61,899,680	61,899,680
Giảm vốn trong năm trước						-
Phân phối lợi nhuận						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác					19,897,747,235	19,897,747,235
Số dư đầu năm nay	96,000,000,000	-	-	15,299,740,265	10,211,284,131	121,511,024,396
Tăng vốn trong năm nay						-
Lãi trong năm nay					1,322,332,059	1,322,332,059
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm nay						-
Lỗ trong năm nay						-
Giảm khác					(255,880,486)	(255,880,486)
Số dư cuối năm nay	96,000,000,000	-	-	16,622,072,324	10,467,164,617	123,089,236,941

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trương An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

được chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Quý 2/2016	
		Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015
Vốn góp công ty mẹ		-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	96,000,000,000	96,000,000,000
Cộng		-	-

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý 2/2016	
	Số cuối quý 2/2016	Số đầu năm
- Vốn góp đầu năm	96,000,000,000	96,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	96,000,000,000	96,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Số cuối quý 2/2016	Quý 2/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,600,000	9,600,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,600,000	9,600,000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1,385,468,045	10,539,471,637
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1,322,332,059	10,333,795,033
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	9,600,000	1,703,425
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	144	6,066

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Số 10/2016/CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BẢNG MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Quý 2/2016

Doanh thu bán, gia công quần áo

Doanh thu bán các loại vải sợi

Doanh thu bán tất

Doanh thu hàng hóa khác

-

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Quý 2/2016

Chi phí bán bị trả lại

-

DOANH VỐN HÀNG BÁN

Quý 2/2016

Doanh vốn bán, gia công quần áo

Doanh vốn bán các loại vải sợi

Doanh vốn bán tất

Doanh vốn hàng hóa khác

21,942,074,220

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Lãi gửi, cho vay

Lãi hoạt động bán chứng khoán

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

348,355,951

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Chi phí vay

Chi phí hoạt động chứng khoán

Chi phí chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Chi phí chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

-

DOANH NHẬP KHÁC

Quý 2/2016

Chi khoản khác

-

CHI PHÍ KHÁC

Quý 2/2016

Chi khoản chi phí khác

185,309,233

185,309,233

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Năm nay

Chi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Chiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng

Chi phí nhân công

Chi phí bảo hành

1,393,784,314

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BIỂU QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

Thuế, phí, lệ phí**Lợi thế thương mại phân bổ**

+ Chi phí khấu hao

+ Chi phí trả trước

- Các khoản chi phí QLDN khác

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng

+ Chi phí nhân công

+ Chi phí thuê cửa hàng Vincom và Time City

+ Chi phí khấu hao

- Các khoản chi phí bán hàng khác

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Cộng**1,393,784,314**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**Quý 2/2016**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**1,777,219,370

- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế

- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế

Số lỗ được chuyển từ các năm trước**Tổng thu nhập chịu thuế**1,777,219,370**Thuế suất thuế TNDN**20%**Chi phí thuế TNDN hiện hành**-**CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**Quý 2/2016**Chi phí nguyên liệu, vật liệu****Chi phí nhân công****Chi phí khấu hao tài sản cố định****Chi phí dịch vụ mua ngoài****Chi phí bằng tiền khác****Cộng**0**Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ****Những thông tin khác****3. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC****3.1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Đơn vị: VND

Mẫu số B09-DN/HN

CHỈ TIÊU	Tất						Tổng cộng
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	Quần áo	Sợi, vải các loại	Hạt nhựa	Khác		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		6,972,856,682	18,124,961,520		180,000,000		36,184,810,247
Giá vốn		5,321,630,287	17,309,415,112				29,885,525,618
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,906,992,045	6,972,856,682	18,124,961,520	-	180,000,000	-	36,184,810,247
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3,826,236,703	1,651,226,395	815,546,408		6,275,123		6,299,284,629
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							1,742,102,597
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							4,557,182,032
Doanh thu hoạt động tài chính							348,355,951
Chi phí tài chính							2,057,040,280
Thu nhập khác							-
Chi phí khác							185,309,233
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							391,751,325
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							2,271,437,145
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							12,006,444,401
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							2,796,011,820

CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHÚ THÀNH
Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

Mẫu số B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

		Đơn vị: VND					
Năm trước							
CHỈ TIÊU	Tất	Quản áo	Sợi các loại	Hạt nhựa	Khác	Tổng cộng	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	18,583,408,651	42,246,612,505	25,848,594,840	2,772,727,273	1,277,398,000	90,728,741,269	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận							
Giá vốn	9,268,125,193	33,557,626,520	24,977,357,081	2,772,727,273	1,257,001,931	71,832,837,998	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18,583,408,651	42,246,612,505	25,848,594,840	2,772,727,273	-	90,728,741,269	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9,315,283,458	8,688,985,985	871,237,759		20,396,069	18,895,903,271	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						7,284,793,412	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						11,611,109,859	
Doanh thu hoạt động tài chính						12,864,479,236	
Chi phí tài chính						7,473,488,084	
Thu nhập khác						5,092,000	
Chi phí khác						382,136,279	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						4,009,626,000	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						12,615,430,732	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						19,655,575,891	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên đều được vai trò và trách nhiệm của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối quý 2/2016 VND	Quý 2/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	2,432,558,488	240,438,197
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	25,810,000,000	31,561,934,272
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43,849,529,840	30,670,069,573
Cộng	72,092,088,328	62,472,442,042

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

BỘ TÍNH MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

Đã chính thức kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	82,051,537,262	18,227,852,725		100,279,389,987
Phải trả người bán	18,745,479,399	-		18,745,479,399
Chi phí phải trả	130,000,000	-		130,000,000
Phải trả khác	413,199,671	-		413,199,671
Số đầu năm				
Các khoản vay	47,450,055,460	17,983,356,651		65,433,412,111
Phải trả người bán	12,545,019,580	-		12,545,019,580
Chi phí phải trả	110,000,000	-		110,000,000
Phải trả khác	333,018,853	-		333,018,853

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những

thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

Mẫu số B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị: VND

4.5 Giá trị hợp lý

- *So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*
Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3,748,529,548	3,748,529,548	3,057,651,756	3,057,651,756
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	43,849,529,840	(*)	30,670,069,573	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18,420,000,000	(*)	93,420,000,000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(82,051,537,262)	(82,051,537,262)	(47,450,055,460)	(47,450,055,460)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(19,158,679,070)	(19,158,679,070)	(20,632,822,116)	(20,632,822,116)
- Vay dài hạn	(18,227,852,725)	(18,227,852,725)	(18,316,375,504)	(18,316,375,504)
	(53,420,009,669)	(*)	40,748,468,249	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B09-DN/HN

kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Công ty có giao dịch trong kỳ và số dư tại ngày 31/03/2016 với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>	<u>Số dư cuối năm</u> (VND)
Ông Tạ Duy Khánh	Người có liên quan đến bà		3,750,000,000	2,000,000,000
Ông Tạ Duy Lư	Tạ Thị Nga - Thành viên	Cho vay	3,500,000,000	1,750,000,000
Ông Tạ Tương Nguyên	HĐQT		1,800,000,000	1,800,000,000

b) Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u> VND
Ông Nguyễn Việt Tùng	Tổng Giám đốc	24,710,000
Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc	16,960,000
Bà Tạ Thị Nga	Giám đốc công ty con	25,185,000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần May Phú Thành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hợi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hợi

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2016



Nguyễn Việt Tùng